

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 227/TB-CTHADS

Long An, ngày 26 tháng 5 năm 2022

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá

Căn cứ các bản án (quyết định) số 09/2017/QĐST-KDTM ngày 04/4/2017, số 12/2017/QĐST-KDTM ngày 22/11/2017, số 11/2018/QĐST-KDTM ngày 15/8/2018, số 22/2018/QĐST-DS ngày 24/4/2018, số 23/2020/QĐST-DS ngày 29/6/2020, số 01/2020/QĐST-KDTM ngày 01/7/2020 của TAND thành phố Tân An, tỉnh Long An; số 01/2017/QĐ-PT ngày 01/9/2017 của TAND tỉnh Long An.

Căn cứ các quyết định thi hành án số: 01/QĐ-CCTHADS ngày 26/9/2017, 126/QĐ-CCTHADS ngày 13/10/2017, 418/QĐ-CCTHADS ngày 29/12/2017, số 595/QĐ-CTHADS ngày 01/02/2018, số 970/QĐ-CTHADS ngày 16/5/2018, số 334/QĐ-CTHADS ngày 08/11/2018, số 598, số 614/QĐ-CTHADS cùng ngày 08/01/2019, số 1329/QĐ-CTHADS ngày 08/8/2019, số 231/QĐ-CTHADS ngày 08/11/2019, số 642/QĐ-CTHADS ngày 06/3/2020; số 1061/QĐ-CTHADS ngày 08/7/2020, số 915/QĐ-CTHADS ngày 09/6/2020, số 1062/QĐ-CTHADS ngày 08/7/2020, số 1102/QĐ-CTHADS ngày 15/7/2020; số 43 số 45 /QĐ-CTHADS ngày 01/10/2020, số 127/QĐ-CTHADS ngày 26/10/2020, số 224/QĐ-CTHADS ngày 23/11/2020 của Chi cục trưởng Chi cục THADS thành phố Tân An, tỉnh Long An

Căn cứ các quyết định về việc rút hồ sơ thi hành án số 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22/QĐ-CTHADS ngày 04/12/2020 của Cục trưởng Cục THADS tỉnh Long An.

Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 11/QĐ-CCTHADS ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An;

Căn cứ quyết định số 08/QĐ-CTHADS ngày 12/4/2021 của Cục trưởng Cục THADS tỉnh Long An về việc hủy một phần biên bản kê biên, xử lý tài sản:

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-CTHADS ngày 12/4/2021 của Chấp hành viên Cục THADS tỉnh Long An về việc sửa đổi, bổ sung quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An đã kê biên bổ sung tài sản của Công ty TNHH TM DV Năm Điều (được chuyển đổi từ Doanh nghiệp tư nhân Năm Điều), địa chỉ: số 338, Nguyễn Văn Cương, phường Tân Khánh, thành phố Tân An, tỉnh Long An, đại diện theo pháp luật: ông Trương Minh Điều, chức vụ: Giám đốc.

Tài sản đã kê biên, cụ thể:



1. Quyền sử dụng đất:

1.1. QSD đất thửa đất số 37, thửa số 5, diện tích 9.603m², loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp. Trên đất có hai nhà kho và diện tích lộ giới 429m².

1.2. QSD đất thửa đất số 70, thửa số 5, diện tích 3.856m², loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp. Trên đất có hai nhà kho.

1.3. QSD đất thửa đất số 68, thửa số 5, diện tích 1.395m², loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp. Theo giấy CNQDS đất: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh.

1.4. QSD đất thửa đất số 126, thửa số 5, diện tích 977,2m², loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp. Theo giấy CNQDS đất: Đất ở tại đô thị.

(Theo Mảnh trích đo địa chính số 1964-2020 của Công ty Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng ĐKĐ đất đai tại thành phố Tân An duyệt ngày 24/6/2020 và theo Mảnh trích đo địa chính số 03-2020 của Công ty Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng ĐKĐ đất đai tại thành phố Tân An duyệt ngày 01/7/2020).

* Vị trí tứ cận:

- Thửa số 126: Đông giáp thửa 60 (hộ Tô Ngọc Hải); Tây giáp thửa số 37 (Công ty Năm Điều); Nam giáp Sông Tân Hương; Bắc giáp thửa số 76 (hộ Lê Thị Ngọc).

- Thửa số 37, số 70, số 68: Đông giáp thửa 126, 75, 76 (hộ Trương Minh Điều, Lê Thị Ngọc, lối đi công cộng); Tây giáp thửa số 67 (hộ Nguyễn Hoàng Oanh, đường nước công cộng); Nam giáp sông Tân Hương; Bắc giáp thửa số 66, 67 (hộ Nguyễn Hoàng Oanh, đường Nguyễn Văn Cương).

* Theo Mảnh trích đo địa chính số 03-2020 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú ngày 30/6/2020 được Chi nhánh VP ĐKĐ đất đai tại thành phố Tân An duyệt ngày 01/7/2020 thì 03 thửa đất thửa 37, 70, 68, loại đất: SKC, có tổng diện tích theo Giấy CNQSDĐ: 14.854 m²; hiện trạng sử dụng: 14.854 m²; diện tích cắt ranh 0-100m: 8.699,7m², còn lại 6.154,3m²; diện tích lộ giới đường Nguyễn Văn Cương: 429m²; diện tích chỉ giới đường sông: thửa 68: 323,1m², thửa 70: 0, thửa 37: 841,2 m².

2. Tài sản gắn liền với đất:

2.1. Nhà xưởng, nhà kho (1): Diện tích 12.333,5m², có kết cấu xây dựng: khung thép, vách tol thiếc, mái tole thiếc, nền bê tông, (vi phạm ranh chỉ giới xây dựng 77,2m². Gồm 2 nhà máy: Nhà máy 01 (bên trái từ ngoài vào) và Nhà máy 02 (bên phải từ ngoài vào).

(Theo giấy Chứng nhận QDS đất QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất thì tổng diện tích nhà kho 1 và nhà kho 2 là 6.306,11m²).

2.2 Nhà (2): Diện tích 200,9m², có kết cấu xây dựng: cột đà BTCT, vách tường, một phần nhôm kính; mái tole thiếc, nền gạch ceramic, cửa nhôm kính; trần la phong prima.

2.3 Nhà vệ sinh (3): Diện tích 6,5m², có kết cấu xây dựng: BTCT, tường xây gạch, tô xi măng, bên trong tường và nền lát gạch ceramic.

2.4. Bồn nước (4): Diện tích 14,9 m², kết cấu xây dựng: Trụ đài nước: BTCT, trên có bồn inox dung tích 2.000 lít, phía dưới giếng khoan dung để bơm nước sử dụng cho kinh doanh và sinh hoạt.

2.5. Nhà tạm (5): Diện tích 64,5 m², kết cấu xây dựng: khung sắt thép, vách tole thiếc, mái tole thiếc, nền lát gạch ceramic.

2.6. Nhà tạm (6): Diện tích 46 m², kết cấu xây dựng: cột cây tạp, không vách, mái lợp lá, nền lát gạch ceramic.

(1), (2), (3), (4), (5), (6) được thể hiện Theo bản vẽ trích đo địa chính hiện hữu của Công ty Hưng Phú ngày 29/7/2020.

2.7. Hàng rào và cổng rào xây dựng xung quanh cách thửa đất (trừ vị trí tiếp giáp sông Tân Hương không xây dựng rào.

- Hàng rào bên trái (tính từ ngoài vào): chiều dài 175,3m, tường xây tô cao 3,6m;

- Hàng rào bên phải (tính từ ngoài vào): chiều dài 203,8m, tường xây tô cao 3,6m;

- Hàng rào mặt trước: Dài 54,3m, cao 1,5m có kết cấu: tường xây + khung sắt có hoa văn; cột đà BTCT; chân rào xây tường cao 1,1m ốp gạch ceramic.

2.8. Cổng rào:

- Cổng rào trái (tính từ ngoài vào): Ngang 6,2m; trụ cổng: 0,6m x 0,6m x 3,4m, có kết cấu: ốp đá hoa cương, cánh cổng rời bằng khung sắt + lưới B40, có chiều ngang 6m x cao 1,7m, để cổng có gắn bánh xe.

- Cổng chính (ở giữa): ngang 13,4m; trụ cổng: 0,8m x 0,8m x 3,4m, có kết cấu: ốp đá hoa cương, cánh cổng rời bằng khung sắt + lưới B40, có chiều ngang 12,6m x cao 1,7m, để cổng có gắn bánh xe.

- Cổng phụ phải (tính từ ngoài vào): ngang 5,1m; trụ cổng: 0,6m x 0,6m x 3,4m, có kết cấu: ốp đá hoa cương, cánh cổng rời bằng khung sắt + lưới B40, có chiều ngang 3,9m x cao 3,4 m.

2.9. Nhà bảo vệ:

Ngang 2,1m, dài 3,3m có kết cấu cột đà BTCT, tường xây tô phía ngoài có dán gạch ceramic, cửa nhôm, kính, mái lợp tole – xi măng, nền trát xi măng.

2.10. Trạm cân: (có vị trí 8 theo trích đo): có diện tích 85,9m², tải trọng 80 tấn.

2.11. Cây trồng trên đất:

- 02 cây mai (03 năm);

- 02 cây nhãn (05 năm);

- 02 cây me (05 năm);

- 05 cây dứa (02 năm);

- 04 cây ổi (02 năm);
- 01 cây cóc (02 năm);
- 05 cây xoài (05 năm);
- 03 cây mận (05 năm);
- 02 cây chanh (02 năm);
- 01 cây mít (03 năm).

3. Máy móc, trang thiết bị và dây chuyền sản xuất của Công ty TNHH TM DV Năm Điều:

3.1. Dây chuyền sấy 160-200 tấn/mẻ, gồm:

- 01 Bò đài BE650 5.5kw cao 8m;
- 01 Cân nhập liệu HSC80d;
- 01 Bò đài BE650 3.7kw cao 6m;
- 01 Máy làm sạch 40-50 tấn/giờ;
- 01 Bò đài BE650 7.5kw cao 14m;
- 01 Bò đài BE500 3.7kw cao 6m;
- 03 Tháp sấy 80m³;
- 03 Lò đốt;
- 02 Thùng chứa trấu 5m³;
- 01 Bò đài BE650 7.5kw cao 14m;
- 01 Băng tải hạt B600 6m vô silo sau sấy;
- 01 Silo chứa lúa - 7 ngăn (sau sấy) năng suất 280 tấn lúa khô;
- 01 Băng tải hạt lúa B600 30m vô thùng chứa liệu dây chuyền 8-12 tấn;
- 01 Băng tải hạt lúa B600 20m vô thùng chứa liệu dây chuyền 8-12 tấn;
- 01 Băng tải hạt B600 dài 22m dưới silo lúa 280 tấn;
- 01 Băng tải hạt B600 dài 22m trên thùng silo lúa 280 tấn.

3.2. Cân tự động: Cân nhập liệu AWM30 (phía trước lò sấy).

3.3. Dây chuyền xát trắng - đánh bóng gạo năng suất (8-12) tấn gạo lúc/giờ, gồm:

- 04 Máy xát trắng RW80 75KW (Năm sản xuất 2013) + Quạt cám FC30.250;
- 03 Máy đánh bóng RP80-110KW + FC14-800;
- 01 Máy chọn hạt LG7A.2;
- 01 Sàng đảo RS100;
- 14 Cây Bò đài BE 200;

- 01 Thùng chứa gạo lúc 10 tấn;
- 01 Máy xát trắng RW80 - 75kw (2013) + quạt cám 15kw;
- 01 Máy đánh bóng Bùi Văn Ngọ: CBL - 10c (8-10) 110KW + quạt hút cám 11kw;
- 02 Máy đánh bóng (sau tách màu)RP40 - 55kw (đời 2007);
- 01 Sàn đảo + Trống quay năng suất 3 -4 tấn/giờ (2012);
- Bình hơi 1000 lít + sấy khí (cho tách màu);
- 01 hệ Thùng chứa gạo thành phẩm:
 - + 4 ngăn (100 tấn) + 1 băng tải dưới (12m) + BE330;
 - + 2 ngăn (100 tấn) + 1 băng tải dưới (12m) +BE330;
 - + Thùng chứa thành phẩm năng suất 60 tấn (cân tự động AW500 x 2 bộ).
- 02 Bò dài BE500 5.5kw cao 10m;
- 04 Cây Bò dài BE330 2,2kw cao 8m;
- 12 Cây Bò dài BE250 2.2kw cao 11m;

3.4. Trạm biến áp 3.000KVA.

3.5. Hệ thống thiết bị chế biến gạo cùng chi tiết kèm theo và phần phụ tùng, gồm:

- 02 Máy đánh bóng RP120 - 132 KW (Đời 2015);
- 02 Quạt cám 15KW;
- 01 Máy sàng đảo RS100 1,5kW năng suất 10-12 tấn;
- 01 Máy chọn hạt LG7A.2 2,2kw băng suất 7 -8 tấn;
- 01 Tháp sấy gạo (50 tấn/mẻ) + quạt gió FC30-130;
- 01 Máy đánh bóng RP80 - 110kw (Đời 2017);
- 01 Máy làm sạch PCV120A;
- 02 Máy đánh bóng RP40 - 75KW (đời 2017);
- 01 Máy nén khí 37kw (dùng cho máy tách màu);
- 02 Thùng chứa 100 tấn sau tách màu;
- 02 Băng tải hạt B600 2.2kw dài 16m (dưới 2 thùng 100 tấn);
- 01 Hệ lọc bụi cám;
- 01 Sàng đảo Bùi Văn Ngọ (4-6 tấn) 1.5kw;
- 01 Trống quay (4-6 tấn) 1,5kw;
- 01 Thùng chứa thành phẩm 60 tấn 2 ngăn;
- 02 Cân đóng bao thành phẩm AW500;

3.6. Máy móc thiết bị phục vụ xay xát lúa gạo: Máy phân loại màu gạo, hiệu ANYSORT SC640 (Số lượng: 03 bộ): 03 Máy tách màu: ANYSORT SC640 (10 máng) năng suất 7-9 tấn/giờ.

3.7. Máy móc thiết bị phục vụ xay xát lúa gạo: Máy phân loại màu gạo, model 640 (Số lượng: 01 bộ) và máy tách màu gạo (Số lượng: 02 bộ), gồm:

- 02 Máy tách màu Uy Long: 10 máng: 7-14 tấn/giờ + Model 6SXM - 630F: 5.7KW;

- 01 Máy tách màu:DTC SC640 (10 máng): 8,5KW: 7-9 tấn/giờ;

3.8. Toàn bộ máy móc thiết bị phục vụ sản xuất gia công, xay xát, chế biến lúa gạo, cám nghiền, cửi trấu, sấy lúa bao gồm: 30 lò sấy, 75 bồn chứa và hệ thống băng tải nhà máy (theo hợp đồng thế chấp), gồm:

*** 10 Lò sấy vĩ máng 30 -40 tấn/mẻ;**

- 10 Lò đốt (nguyên liệu trấu);

- 10 Quạt sấy 45kw;

- 01 Silo Lúa (5x40x8) năng suất 850 tấn lúa khô;

- 02 Bồn đãi BE500 3.7kw cao 8m;

- 02 Băng tải hạt B600 5.5kw dài 40m;

- 01 Băng tải hạt B600 0.75kw 6mét;

- 01 Băng tải hạt lúa B600 5.5kw (nhập lúa lên từ dàn khoan) dài 31m;

- 02 Băng tải hạt B600 5.5kw dài 34m (cập hông sấy);

- 01 Băng tải hạt B600 3.7kw dài 24m (cập hông sấy phía trên cao);

- 02 Cây BE500 3,7kw cao 6m (cập hông sấy vĩ 30 tấn x 5 máng);

- 02 Băng cào lúa B350 3.7kw (giữa sấy vĩ 30x5 và 40x5) 22m;

- 01 Băng tải dốc di động B600 3.7kw, dài 12m.

*** 08 Lò sấy vĩ máng 50 tấn/mẻ.**

- 01 Băng tải hạt B600 2.2kw dài 18m phía trước sấy 50x8;

- 01 Máy làm sạch 40-50 tấn/giờ;

- 01 Cây BE500 3.7kw dài 9m;

- 01 Băng tải hạt B600 3.7kw dài 34m (giữa sấy 50 tấn/mẻ và sấy 25-30 tấn/mẻ);

- 01 Băng tải hạt B600 3.7kw dài 36m, (giữa sấy 50 tấn/mẻ và sấy 25-30 tấn/mẻ);

- 01 Băng tải hạt B600 3.7kw dài 38m, (giữa sấy 50 tấn/mẻ và sấy 25-30 tấn/mẻ);

- 01 Cây Bò dài BE650 3.7kw cao 6m;
- 01 Băng tải hạt B600 2.2 kw dài 16m (phía sau sấy 50 tấn/mẻ và sấy 25-30 tấn/mẻ);
- 01 Hệ thống vít tải lúa cho sấy vì 8 máng (tải lúa khô sau khi sấy ra băng chuyền);
- 16 Quạt FC1200 - 110KW x 8 động cơ (mỗi máng 2 quạt);
- 08 Lò đốt (nguyên liệu trấu);
- 12 Băng tải B600 5.5kw dài 30m;
- 04 Băng cào B350 3.7kw dài 30m;
- * 07 Lò sấy vĩ máng 25-30 tấn/mẻ;**
- 07 Lò đốt (nguyên liệu trấu);
- 07 Quạt sấy 45kw;
- 01 Băng tải hạt B600 5.5kw dài 40m phía trước sấy;
- 01 Băng tải hạt B600 5.5kw dài 47m, cấp hông sấy;
- 01 Băng tải hạt B700 5.5kw dài 48m, cấp hông phía trên sấy;
- 01 Hệ thống vít tải lúa cho sấy vì 7 máng (tải lúa khô sau khi sấy ra băng chuyền);
- 02 Băng cào trấu B350 3.7kW 20m phía trên lò đốt.
- * 01 Silo chứa lúa - 9 ngăn (sau sấy) năng suất 720 tấn lúa khô;**
- 02 Băng tải hạt B600 dài 40m dưới silo lúa 720 tấn;
- 02 Băng tải hạt B600 dài 40m trên silo lúa 720 tấn;
- 01 Hệ thống cyclone lắng bụi cho khu vực lò sấy (8 cái).
- * Hệ nghiền cám:**
- 05 Máy nghiền cám 132 KW;
- 01 Thùng chứa trấu 120m³;
- 05 Cây BE220 0.75kw cao 8m;
- 05 Cây BE160 0.75kw cao 5m;
- 02 Lọc xung khí Bùi Văn Ngộ RV20A;
- 03 Đảo cám 2-3 tấn Bùi Văn Ngộ;
- 01 hệ Thùng chứa cám: + 2 ngăn 20 tấn; + 2 ngăn 12 tấn.
- 01 hệ Bồn ủ gạo lức (3x40mx9m);
- 01 Băng tải con rùa trên bồn ủ;
- 02 Băng tải 30m.
- 01 Băng tải hạt B600 5.5kw dài 55m từ silo 720 tới khu nhập liệu bóc vỏ;

- 02 Băng tải hạt B600 (thùng ủ gạo lúc 55m phía trên + dưới);
- 01 Băng tải dốc di động 12m;
- 01 Bồn chứa lúa 20 tấn+ BE500 3.7kw cao 8m (trước khi vào bóc vỏ);

3.9. Khu vực nhập lúa:

- 02 Hệ vít tải cầu tàu nhập lúa;
- 02 Cân nhập lúa AWM40;
- 02 Bồn đãi BE500 3.7kw cao 6m;
- 02 Quạt hút.

3.10. Dây chuyền bóc vỏ - xát trắng - đánh bóng 14-16 tấn/giờ

- 04 Cây BE650 3.7kw cao 6m (khu vực 9 máy bóc vỏ);
- 02 Cây BE650 3.7kw cao 7m khu vực máy tách thóc PST120;
- 04 Cây BE330 1,5kw cao 7m khu vực 4 máy RW;
- 02 Cây BE300 0.75kw cao 6m gần 2 RP120;
- 02 Cây BE250 0.75kw cao 7m trước hệ chọn hạt;
- 02 Cây BE160 0.75 cao 8m sau hệ chọn hạt;
- 03 Băng cào gạo B250 2,2kw dài 8m trên thùng làm mát 50 tấn;
- 01 Băng tải hạt B600 dài 55m từ dây chuyền 14-16 tấn tới dây chuyền 8-12 tấn;
- 01 Băng tải dốc di động 10m;
- 01 Băng tải hạt B600 dài 19,5m từ tách màu qua thùng thành phẩm gạo cân tự động;
- 01 Băng tải dốc di động 6m;

Máy bóc vỏ:

- + 05 cái Bùi Văn Ngộ CL- 600C;
- + 01 cái Stream CL:800C;
- + 01 cái Tấn Hoàng: NC3000;
- + 01 cái Tấn Hoàng: CL-600C;
- 02 vít tải SC400 (8m);
- 02 Cái BE650 3,7kw cao 8m;
- 02 hệ Tách trấu và làm sạch;
- 02 Thùng nguyên liệu vào bóc vỏ (6 tấn);
- 01 Hệ Máy tách thóc PST120 - 7.5kW.
- 04 Máy Xát trắng RW80 - 75KW (Đời 2007);

- 04 Quạt hút cám 30.350 (11KW) (hoạt động theo máy RW80).
- Hệ máy bóc vỏ (đập tấm)
- + 01 cái NC: 3000;
- + 03 cái CL 800C;
- 01 Máy nén khí;
- 02 Thùng chứa trung gian (100 tấn) 3 ngăn (sau RW trước RP);
- 02 Băng tải hạt B600 2,2kw dài 18m (dưới 2 thùng chứa);

3.11. Dây chuyền bóc vỏ - xát trắng - đánh bóng 8-12 tấn/giờ

Khu vực bóc vỏ

- 02 Cây Bò dài BE300 2.2kw cao 8m;
- 03 Máy bóc vỏ Bùi Văn Ngộ (CL-600B);
- 03 Máy bóc vỏ Tấn Hoàng (CL-600C);
- 01 Máy tách thóc PST120;
- 02 Máy tách trấu;
- 02 Máy làm sạch;
- 03 Quạt hút bụi 11kW.

3.12. Các thiết bị khác:

- 03 Xe nâng: 02 xe đã qua sử dụng: 01 xe hiệu Toyota, 01 xe hiệu Sumitomo và 01 xe hiệu TCM.

- 01 Máy phát điện 5.5kw/giờ;
- 01 Trạm biến áp: 630 KVA;
- 02 Trạm biến áp: 700 KVA;
- 04 Máy nén khí 22kw;
- 02 Máy sấy 7,5kW;
- 02 Bình hơi 1000 lít.

3.13. Hệ thống thoát nước, gồm:

- Cống thoát nước từ cống giữa nhà máy ra sông Tân Hương:
Loại cống: $\Phi 90$ cm, có 08 hố ga, kích thước: 1,2m x 1,2m x 1m sâu, nắp sắt tấm 1,2m x 1,2m dày 2cm, chiều dài tổng cộng: 146m.
- Cống thoát nước cặp tường bên trái nhà máy hướng từ ngoài vào:
Loại cống vuông (hộp), ngang 0,8m, sâu 1,5m, dài 202,1m; nắp dầy 1.2m x 0,8m, dày 70cm (đầy hết chiều dài cống).
- Cống thoát nước cặp tường bên phải nhà máy hướng từ ngoài vào:



Loại cống vuông (hộp), ngang 0,8m, sâu 1,5m, dài 202,2m; nắp dầy 1.2m x 0,8m, dày 70cm (đầy hết chiều dài cống).

- Cống thoát nước từ nhà tạm ra cống trước, sau đó ra cống thoát nước cặp tường bên phải nhà máy:

Loại cống: Φ 40cm, có 01 hố ga, kích thước: 1,1m x 1,1m x 0,6m sâu; 01 hố ga, kích thước: 1,2m x 0,9m x 0,7m sâu; hố ga không có nắp dầy; dài 58,3m.

Cống vuông (hộp): Thành xây gạch thẻ dày 100cm, nắp bê tông cốt thép.

Hố ga: Xây gạch thẻ dày 100cm.

Toàn bộ hệ thống điện nước dùng để hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng cho sinh hoạt gia đình.

3.14. Ba gét chất gạo bằng gỗ:

Số lượng: 1.544 cái (một ngàn, năm trăm bốn mươi bốn cái).

Kích thước: 1,3m x 1,3m.

Cấu tạo: Sườn: 40cm x 90cm x 4 thanh; ván ép hai mặt; dày 02cm, gỗ cây tạm.

3.15. Túi Rambo:

Số lượng: 1.205 cái (một ngàn, hai trăm lẻ năm cái).

Kích thước: 0,95 x 0,95 x 1,3m; hình hộp.

3.16. Hệ thống phòng chữa cháy: gồm hệ thống máy bơm từ bồn chứa giếng khoan để phục vụ công tác chữa cháy.

(kèm hồ sơ thiết kế phòng cháy chữa cháy do Công ty cung cấp).

3.17. Máy che khung thép ở phía bờ sông Tân Hương:

- Dài 90m x ngang 8m = 720m².

- Dài 15m x ngang 3,5m = 52,5m².

3.18. Cọc bê tông đóng bờ kè phía bờ sông Tân Hương:

120 (một trăm hai mươi) cừ bê tông cốt thép; tiết diện: 0,2m x 0,2m x 16m (chiều dài bờ kè 108,8m, 07m đóng 01 cây cho hết chiều dài đất); bên đực và bên phải thi hành án thỏa thuận đề nghị kê biên).

3.19. 04 (bốn) Trụ điện hạ thế và đường dây điện từ ngoài vào 30m.

Sau khi Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An đã kê biên tài sản nêu trên các bên đương sự không thỏa thuận được về giá trị của tài sản kê biên và cũng không thỏa thuận được việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản đã kê biên.

Nay, Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An thông báo cho các tổ chức thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Long An có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật nộp hồ sơ thẩm định giá đối với tài sản đã kê biên nêu trên.

Địa điểm nộp hồ sơ tại: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An, địa chỉ: số 266A, đường tỉnh 827A, ấp Bình Nam, xã Bình Tâm, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Chấp hành viên Đặng Hoàng Yên, điện thoại: 0906.743.182.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: trong 02 ngày làm việc liên tiếp, kể từ thời điểm đăng thông báo trên cổng thông tin điện tử Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An và cổng thông tin của Tổng cục THADS.

Nay Cục THADS tỉnh Long An thông báo đến các tổ chức thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Long An đáp ứng đủ điều kiện nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức thẩm định giá theo quy định ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện KSND tỉnh Long An;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



Đặng Hoàng Yên



